

A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THÍCH LUẬN

QUYỂN 8

Phẩm 3: PHÂN BIỆT THẾ GIAN (PHẦN 3)

Duyên sinh như đây, nếu nói lược thì chỉ có ba. Nghĩa là Hoặc, Nghiệp và loại Quả. Ba nghĩa này trước đã nói rõ.

Kệ nêu:

*Trong đây nói các hoặc
Như hạt giống và rồng
Như rễ, cây và trấu.*

Giải thích: Hoặc này với hạt giống v.v... làm sao tương tự? Ví như từ hạt giống mà mầm, lá v.v... sinh. Như từ hoặc này mà loại hoặc nghiệp sinh. Lại, như cái ao là chỗ ở được rồng trấn giữ, luôn không khô cạn. Như hoặc này, rồng đã trấn giữ, ở, sinh nối tiếp nhau trong ao không đoạn. Lại như cây chưa bị nhổ rễ, chặt rồi mọc ra lại. Như chưa nhổ bỏ rễ hoặc này thì các đạo đã diệt, diệt xong, lại khởi. Lại như cây luôn trở hoa, sinh hạt. Như các hoặc này, thường sinh loại hoặc nghiệp. Lại như hạt gạo được bao bọc do vỏ trấu, đối với sự sinh có công năng, không phải là hạt gạo riêng. Như nghiệp này có được là do vỏ trấu hoặc bao bọc đối với, tất cả sự sinh sinh ra có công năng, không phải là nghiệp riêng. Như các hoặc này, nên biết như hạt giống v.v...

Kệ nói:

*Như nghiệp, gạo có trấu
Và như lúa và hoa.*

Giải thích: Trước kia đã nói hoặc tỏ như vỏ trấu. Nay, nói nghiệp như hạt gạo có trấu. Lại như lúa bị cháy sém v.v..., dùng quả, phần vị chín làm biên. Các nghiệp như đây đã chín, không sinh báo lại. Lại như hoa là nhân tố gần ở trong việc sinh hạt. Nghiệp như vậy là nhân rất gần ở trong sự sinh ra quả báo.

Kệ nói: Như loại uống ăn chín.

Giải thích: Như thức ăn uống đã chín, hoàn toàn là sự thọ dụng, không thể lại chuyển biến thành sinh. Loại quả báo như thế, không thể ở trong sự sinh riêng lại dẫn dắt đến quả báo riêng. Nếu lại lôi kéo đến báo, không có nghĩa được giải thoát.

Sự sinh được nối tiếp nhau như thế, dựa vào nhân, vào duyên sinh, không qua bốn hữu. Nghĩa là trung hữu, sinh hữu, tử hữu và hữu trước khi tử (bản hữu).

Bốn hữu này đã được giải thích trước đây.

Kệ nói:

Ở trong bốn thứ hữu

Sinh hữu ắt nhiễm ô.

Giải thích: Trong đây, có bao nhiêu hữu nhất định, không nhất định nhiễm ô? Nếu hoàn toàn nhiễm ô thì chỉ là sinh hữu và do hoặc nào?

Kệ nói: Do các hoặc địa mình.

Giải thích: Nếu sinh hữu tồn tại ở địa mình, thì tất cả hoặc của địa đồng nhau đều bị nhiễm ô. Ở ba cõi không có một hoặc. Do chúng sinh này chứ không phải là do kết sinh.

Sư A-tỳ-đạt-ma thuyết minh: Sự nhiễm ô như thế, là do hoặc lớn, không do hoặc của phần nhỏ vì được tùy ý. Nếu phần vị này rất mê muội, đần độn, tùy thuộc hoặc hữu, tức trước kia đã thường thường khởi hoặc rất gần. Vào thời điểm này, hoặc ấy ở trong phần vị ấy, tức khởi thành nhiễm ô. Do trước đã nhanh chóng, nhạy bén, nên tiếp nhận trung hữu.

Tất nhiên là nên biết sự nhiễm ô như đây?

Kệ nói: Ba thứ còn lại.

Giải thích: Ba hữu của pháp còn lại, tức trung hữu v.v... đều có ba thứ. Nghĩa là: Thiện, nhiễm ô và vô ký.

Ở trong các hữu, có bao nhiêu hữu và tương ứng ở cõi nào?

Kệ nói: Vô sắc ba.

Giải thích: Tức ba hữu, ngoại trừ trung hữu. Vì sao? Vì cõi Vô sắc không phải xứ cách biệt. Vì đến cõi kia nên khởi Trung ấm, ở cõi Dục, Sắc, nên biết đều đủ bốn hữu, như chúng sinh dựa vào nhân, vào duyên sinh (Nghĩa này đã nói rộng).

Nếu chúng sinh đã sinh làm sao được trụ?

Kệ nói: Thế gian do ăn trụ.

Giải thích: Có một pháp Đức Thế Tôn tự thông suốt, tự nhận biết và vì người khác thuyết giảng thích đáng. Nghĩa là tất cả chúng sinh

đều lấy thức ăn để trụ. Kinh nói như thế này: Thức ăn ấy có bao nhiêu thứ? Có bốn thứ.

Kệ nói: Đoạn thực.

Giải thích: Đoạn thực có thô, có tế. Tế là thức ăn của chúng sinh trung hữu, vì lấy hương làm thức ăn. Và thức ăn của chư thiên, chúng sinh nơi kiếp sơ, dùng các thứ không có lưu tán biến đổi như bản, nên thức ăn này đều vào thân họ, như dầu ở nơi cát. Lại nữa, nếu chúng sinh vi tế, thì thức ăn của chúng cũng vi tế. Ví như trùng phát nhiễm (trùng ăn tóc dờ) v.v...

Xúc thực là thứ hai, tác ý thực là thứ ba, thức thực là thứ tư. Đoạn thực.

Kệ nói: Ở cõi Dục.

Giải thích: Thức ăn này ở cõi Sắc, Vô sắc không có. Do lìa dục ở cõi này, sinh ở cõi kia.

Kệ nói: Dùng ba nhập làm thể.

Giải thích: Hương, vị, xúc nhập ở cõi Dục, tất cả đều gọi là đoạn thực. Vì tạo ra từng đoạn để nuốt, trước dùng miệng, mũi để ngậm thức ăn, sau nuốt vào từng phần nên gọi là đoạn thực.

Bóng, ánh sáng, ngọn lửa, ánh sáng mặt trời làm sao trở thành thức ăn?

Do từ nhiều, nên tạo ra thuyết như đây. Những thứ ấy, nếu không phải cái ăn mà có thể làm cho trụ lại, nối tiếp, cũng liệt vào số thức ăn tinh tế. Ví như tắm gội, xoa v.v...

Sắc nhập không phải thức ăn là sao?

Nếu tạo ra đoạn thực, tất nhiên căn cứ ở Sắc.

Kệ nói:

Không sắc nhập do đấy

Không lợi, tự căn thoát.

Giải thích: Thức ăn là pháp gì? Nếu có thể tạo lợi ích cho bốn đại của căn mình, thì sắc nhập, nghĩa là đang khi ăn, không thể tạo lợi ích cho căn mình và bốn đại, huống chi có thể làm lợi ích cho căn khác và bốn đại. Điều này do vì chẳng phải cảnh giới của mình. Có khi trông thấy sắc, tức khởi vui, mừng. Sắc này cũng không phải thức ăn, vì chỉ duyên nơi sắc ấy làm cảnh, có công năng sinh khởi xúc lạc thọ v.v..., và dùng xúc ấy làm thức ăn, không phải sắc. Lại nữa, đã đạt đến giải thoát, nghĩa là A-na-hàm, A-la-hán, trông thấy thức uống ăn khả ái, không có lợi ích.

Kệ nói:

*Xúc, tác ý và thức
Ba hữu lưu chung hai.*

Giải thích: Xúc: Từ ba hòa hợp sinh. Tác ý: là nghiệp tâm. Thức: là ý thức. Ba thứ này, nếu hữu lưu, tất nhiên là thức ăn. Ba thứ ấy chung cho hữu của ba cõi.

Sao không lập vô lưu làm thức ăn?

Do lập thức ăn, là lấy công năng thấm nhuần, tăng trưởng các hữu làm nghĩa. Vô lưu sinh khởi, có khả năng diệt tận các hữu. Sư Tỳ-bà sa nêu như vậy: Lại nữa, ở trong kinh thuyết minh về nghĩa ăn. Ăn có bốn thứ. Mục đích vì khiến cho chúng sinh đã sinh được trụ và vì càng nối tiếp nhau, lại làm lợi ích cho chúng sinh tìm cầu sự sinh. Pháp vô lưu thì không như vậy, thế nên, không phải là thức ăn. Đã sinh, nghĩa là ở trong cõi, nẻo chúng sinh đã sinh. Nghĩa này rất dễ hiểu.

Những gì là tìm cầu sự sinh?

Kệ nói:

*Ý sinh, tìm cầu sinh
Trung hữu, Càn-thát-bà.*

Đối hữu.

Giải thích: Đức Thế Tôn lấy tên của năm pháp này để thuyết minh về chúng sinh trung ấm. Vì sao? Vì chúng sinh ấy từ ý sinh, nên nói là ý sinh. Do không nhận lấy các vật thể bên ngoài bất tịnh hiện có và máu làm chỗ dựa cho sự sinh, nên tìm cầu sự sinh. Nghĩa là muốn được sinh, mà chưa được, nên tìm kiếm mong cầu khắp mọi nơi.

Càn-thát-bà: Do vì ăn mùi hương, nên dùng hương tạo lợi ích cho hành thân mà hưởng về các nẻo. Đối hữu, nghĩa là đối hưởng đến chỗ sinh khởi. Như kinh nói: Đối khởi hữu trở ngại, gia hại tự thể, sinh hữu trở ngại, hại thế gian. Do kinh này nói, nên đối hữu, gọi là Trung ấm.

Lại có kinh khác nói: Có đối hữu kết của chúng sinh đã hết, chẳng phải là kết sinh hữu. Trong kinh này có bốn luận chứng:

Lại nữa, đã sinh nghĩa là A-la-hán. Tìm cầu sự sinh nghĩa là chúng sinh hữu ái.

Lại nữa, có bao nhiêu thứ ăn khiến đã sinh, trụ? Có bao nhiêu thứ ăn có công năng thấm nhuần, tạo lợi ích cho chúng sinh đang tìm cầu sự sinh?

Sư Tỳ-bà-sa nói: Tất cả thứ ăn đều có thể chia làm hai thứ. Vì sao? Vì đoạn thực cũng đối với chúng sinh hữu ái, khiến được hữu sau.

Phật, Thế Tôn nói: Có bốn cách ăn là duyên của căn bệnh, ung thư, mũi nhọn, già, chết v.v..., cách ăn tác ý cũng từng thấy, khiến hiện

sinh, trụ. Các sư trước nói như vậy: Có một người cha gặp phải nạn đói, dùng túi đựng đầy tro, treo trên vách, an ủi, khuyến dụ hai đứa con, nói: Đây là bột gạo. Hai đứa con thường tư duy về túi bột gạo, được an trụ trong nhiều thời gian. Thời gian sau, có người vì mở túi nọ ra, mới biết là tro. Hai người con liền mất đi tác ý trước, tức thì mạng chung.

Lại nữa, có nhiều người ở trong biển, thuyền mục rã, thấy tụ sóng lớn, tư duy cho là bờ, lội qua theo đến bờ bên kia. Đến rồi, chạm xúc mới biết là sóng, nên mất đi tác ý trước, tức thì mạng chung.

Trong một bài tụng khác có nói: Trong biển có chúng sinh thân to lớn từ dưới nước lên bờ, nằm trên bãi cát, đẻ trứng, rồi lùa cát lấp lại và lội trở ra biển. Nếu mẹ nhớ nghĩ đến trứng này, không quên, thì trứng sẽ không hủy hoại. Nếu mẹ quên mất sự nhớ nghĩ, thì trứng này sẽ lập tức tự hủy hoại.

Kinh bộ giải thích không như vậy: Chớ do thức ăn của người khác, thức ăn của người khác được thành.

Nếu giải thích nên giải thích như thế này: Trong đó, nếu trứng duyên nơi mẹ, nhớ nghĩ mãi không quên người mẹ, tất nhiên, trứng sẽ không hủy hoại. Ngược lại, nếu quên, tức sẽ hủy hoại.

Có sư khác nói: Sự nhớ này ở trong phần vị xúc. Sao nói thức ăn chỉ có bốn? Hay vì không như đây?

Tất cả pháp hữu lưu, tất nhiên có công năng thấm nhuần, tạo lợi ích cho hữu Tuy nhiên, do vượt trội hơn, nên nói vậy.

Kệ nói:

*Vì tạo ích thân, tâm
Chủ thể, đối tượng nương
Thường dẫn sinh hữu riêng
Lần lượt nói hai thứ.*

Giải thích: Đối tượng nương tựa: Nghĩa là có căn thân. Vì tạo lợi ích, thấm nhuần thân này nên đoạn thực là trội hơn. Chủ thể nương tựa: Nghĩa là tâm và tâm pháp, vì thấm nhuần, tạo lợi ích nên xúc thực của pháp này là trội hơn.

Hai cách ăn như đây, đối với sự thấm nhuần, tạo lợi ích hiện đời xong và trội hơn trong sinh hữu khác.

Lại lập tác ý thực: Đối với sự dẫn dắt, hữu sau là trội hơn. Hữu được dẫn dắt này, từ nghiệp chủng tử thức đã huân tu với sinh. Hai pháp sau như thế, đối với việc dẫn sinh chưa sinh, hữu vi là trội hơn, là hai thứ ăn trước kia như sữa mẹ, vì có thể nuôi nấng con đã sinh, nên hai thứ ăn sau, như mẹ sinh, có thể sinh thứ chưa sinh. Do sự trội hơn khác, nên chỉ

lập bốn thứ. Vì tất cả phần đoạn được nuốt nên đều phải sử dụng thứ ăn không có phần đoạn là đối tượng được nuốt, không phải đoạn thực.

Các thứ ăn này có bốn luận chứng:

1. Nếu nuốt phần-đoạn này, các căn sẽ bị hủy hoại, gây tổn hại bốn đại.

2. Nghĩa là ba thứ ăn còn lại.

3. Phần đoạn được nuốt này, có công năng thấm nhuần, tạo lợi ích cho các căn, tăng trưởng bốn đại.

4. Trừ ba luận chứng trước. Như luận chứng này, như lý cùng với xúc v.v... nên đều lập ra bốn luận chứng.

Vì có duyên xúc v.v..., được các căn thấm nhuần, tạo lợi ích và bốn đại tăng trưởng. Đây phần nhiều cũng không phải là thức ăn phải không?

Có nghĩa là địa riêng và vô lưu. Luận chứng khác nên tư duy. Nếu người ăn thức ăn này, sẽ gây tổn hại cho người ăn, là các căn đại. Vật thể này cũng là thức ăn, do báo đạt đến đầu tiên. Vì sao? Vì đoạn thực tạo ra công dụng ăn ở trong hai thời điểm. Nếu khi đang ăn, là đối trị với bệnh gốc. Nếu lúc tiêu hóa thức ăn, là tăng ích thân cao lớn.

Sư Tỳ-bà-sa nói như vậy: Ở cõi (nẻo) nào có bao nhiêu thức ăn?

Ở tất cả cõi đều có tất cả thức ăn. Đối với sinh cũng thế. Vậy ở địa ngục làm sao có đoạn thực? Có đốt cháy đoạn sắt đỏ làm thức ăn, nước sắt đỏ đun sôi làm thức uống. Nếu vật có thể gây tổn hại vật, cũng là thức ăn, sẽ trái với bốn luận chứng, cũng mâu thuẫn với Luận Phân Biệt Đạo Lý. Luận ấy nói: Đoạn thực là gì? Nếu duyên phần đoạn này, thì thấm nhuần, bổ ích cho các căn, tăng trưởng bốn đại nối tiếp nhau trở nên tốt đẹp. Và thức cũng thế. (Nói rộng như Luận)

Do căn cứ ở thức ăn có công năng tăng ích để nói, nên không có sự mâu thuẫn. Tổn hại thức ăn ở trong địa ngục cũng có tướng mạo của thức ăn. Vì sao? Vì thức ăn này có công năng là tạm ngăn ngừa bệnh đói, khát v.v...

Lại nữa, có địa ngục của xứ khác, như nơi cõi người có đoạn thực. Thế nên, đoạn thực được phổ biến trong năm cõi. Nghĩa này rất hợp lý.

Đức Phật, Thế Tôn nói: Nếu có người thí thức ăn cho một trăm tiên nhân lìa dục ngoài cõi Dục, nếu có người thí thức ăn cho một phàm phu hành hóa trong rừng sâu của Diêm-phù và so sánh hai sự Bố thí, thì bố thí sau, phước đức vượt trội hơn sự bố thí trước gấp trăm ngàn lần.

Là phàm phu nào hành hóa trong rừng sâu của Diêm-phù?

Sư khác nói: Cư trú ở Diêm-phù, hoặc nói: Là phàm phu có phước.

Lối chấp này không hợp lý, do chỉ nói một. Trong đây, vì lẽ gì thí thức ăn cho một phàm phu, phước đức nhiều trội hơn thí thức ăn cho nhiều phàm phu lia dục?

Nếu thí thức ăn cho nhiều phàm phu, phước đức này trội hơn thí thức ăn cho một phàm phu. Nghĩa này có thể đúng.

Có sư khác thuyết minh: Đây là nói Bồ-tát tiến gần đến Phật địa. sư khác không nói đến nghĩa ấy. Vì sao? Vì nếu thí cho Bồ-tát ấy, thì phước đức tối đa, không thể tính đếm. Nếu thí thức ăn cho người này thì phước đức đạt được, cho đến thí một trăm câu-chi A-la-hán, cũng vẫn không theo kịp.

Sư Tỳ-bà-sa thuyết minh: Có phàm phu đã được năng lực nơi phần quyết trạch của quán bốn đế. Ở đây được gọi là hành hóa trong rừng sâu của Diêm-phù.

Tên gọi này không tương xứng với nghĩa. Lại, không từng có ở chỗ khác, chỉ giả an lập tên gọi này. Nghĩa là kinh và trong Tạng A-tỳ-đạt-ma v.v... đều nói là hành hóa trong rừng sâu của Diêm-phù, tất nhiên được năng lực nơi phần quyết trạch của quán bốn đế. Thế nên, đây là đối tượng phân biệt của chính mình.

Nếu thế thì thế nào?

Tất nhiên, vì căn cứ ở Bồ-tát đang hành hóa trong khu rừng sâu của Diêm-phù, nên nói lời nói ấy. Vì sao? vì Bồ-tát này ở vào thời điểm ấy cùng với phàm phu lia dục, tương ứng với hai nghĩa của cõi Dục. Đối với sự phân biệt của người tiên khác, sao cho khác với Bồ-tát này, trội hơn gấp bội đối với vô lượng, vô biên chúng sinh. Mà cho là một trăm nghĩa là do tùy thuộc chỗ lập trước.

Về nghĩa này, tất nhiên nên thế. Vì sao? Do trừ người này thì tức so sánh lượng của người tiên ở ngoài là Tu-đà-hoàn. Nếu không thế, lẽ ra phải dùng so sánh lượng hành hóa trong khu rừng sâu của Diêm-phù là Tu-đà-hoàn. Nói nghĩa chúng sinh dựa vào nhân, dựa vào duyên sinh, và chúng sinh được trụ xong. Về nghĩa chết, đọa của chúng sinh cũng đã thuyết minh. Nghĩa là do phước hết, không do mạng tận v.v...

Về nghĩa này, nay sẽ nói:

Vì đối với thức nào khi đang khởi, chúng sinh được chết, đọa và thọ sinh?

Kệ nói:

Đoạn, tiếp thiện, lia dục

*Lui và chết, thọ sinh
Sự nảy đối ý thức.*

Giải thích: Đoạn căn thiện, lại tiếp nối căn thiện, lia dục cõi dưới, lui mất cõi trên, chết và sinh. Sáu pháp như vậy, ở trong ý thức thành, không phải ở thức khác. Do thuyết minh về sự sinh, nên nghĩa thọ sinh nơi trung hữu cũng là đối tượng thuyết minh.

Nếu căn cứ tử, sinh ở thọ thì thế nào?

Kệ nói: Nơi xả, thọ tử, sinh.

Giải thích: Xả mạng và thọ sinh. Hai tâm nảy ở trong bất khổ, bất lạc thọ. Vì thọ nảy mê muội, đần độn, thọ khác thì phân biệt rõ. Trong nhận thức rõ ràng, việc tử sinh không thành. Đối với ý thức nảy.

Kệ nói: Chẳng phải một, vô tâm hai.

Giải thích: Tử và sinh dù ở ý thức nhưng không phải nhất tâm và trong vô tâm. Vì sao? Vì nếu người đang ở tâm định, tất nhiên sẽ không có nghĩa tử, sinh. Vì địa không phải là phần đồng, và vì công dụng đã hoàn thành, vì có thể làm lợi ích, nên ở trong định vô tâm cũng không có nghĩa tử. Tại sao? Tại vì nếu là người vô tâm thì sẽ không có tai hại ngang trái. Vì bấy giờ đã dựa vào chỉ, nên nếu muốn khởi sự đổi thay khác, dĩ nhiên là thời điểm tùy thuộc tâm dựa vào chỉ, nhất định sẽ khởi hiện ở trước, rồi về sau mới buông bỏ mạng, chứ không phải chi khác.

Nếu ở vào thời điểm thọ sinh, vô tâm cũng không nên thế, vì tâm đoạn trừ nhân không có. Nếu lia hoặc của tâm phẩm thượng, thì sẽ không được thọ sinh. Thế nên, vô tâm ở trong đó, không hợp với đạo lý.

Tử hữu có ba thứ (Đã nói trước đây).

Kệ nói: Niết-bàn, hai vô ký.

Giải thích: Đối với tâm oai nghi và tâm quả báo, nếu ở trong cõi Dục, thì sẽ có quả báo mang tên xả. Nếu không có ở tâm oai nghi mà nhập Niết-bàn, làm sao chỉ ở vô ký, không phải trong tâm khác? Vô ký nảy tùy thuận tâm đoạn tuyệt, vì do sức yếu ớt. Nếu người đang chết, thì ý thức sẽ đoạn diệt trong bộ phận thân nào?

Nếu chết trong một thời điểm, thì thân căn sẽ chung với ý thức đều cùng diệt trong một lúc.

Nếu người chết theo thứ lớp, thì như trong đây, kệ nói:

Chết lần lượt, chân, rún

Nơi tim, ý, thức dứt

Người, trời ở dưới, và Bất sinh.

Giải thích: Nếu người quyết định đi đến thọ sinh ở cõi ác, cõi

người, và cõi Trời, thì những người như vậy, ý, thức của họ sẽ đoạn diệt theo thứ lớp: Ở chân, ở rốn, ở tim.

Không thọ sinh lại, gọi là bất sinh, tức A-la-hán. Người này, ý, thức đoạn tuyệt ở tim.

Có bộ khác thuyết minh: Ở trên đầu. Vì sao? Vì thân căn ở những chỗ này đều cùng diệt với ý thức. Do đó, nếu người đang khi chết, thân căn này của họ như nước trên tấm đá nóng, sẽ rút giảm dần dần, theo thứ lớp ở chỗ chân v.v... mà tắt thở.

Lại nữa, nếu chúng sinh từ bỏ mạng theo thứ lớp như trên đây, thì trong đó sẽ có nhiều chúng sinh bị Mạt-na chắt chiu khổ bức bách mới chết. Thế nào là Mạt-ma?

Kệ nói: Mạt-ma như nước v.v...

Giải thích: Mạt-ma, nghĩa là ở thân có chỗ riêng. Như kệ nói:

Ở thân, có chỗ này

Do theo xúc khiến chết

Như hoa Ưu-bát-la

Túc tiếp chạm vì trần.

Nên biết trong thân có chỗ riêng. Nếu ở giữa bị chạm xúc hao hụt, có thể dẫn đến cái chết, thì phần thân này được gọi là Mạt-ma. Mạt-ma này sẽ tùy thuộc vào một đại trong nước, gió, lửa. Nếu khởi trái ngược nhau, sẽ giống như mũi nhọn bén đâm chém vào thân, tức là tan hoại. Thân này không giống như củi v.v... bị chặt là đứt ngay, mà như bị chặt, tức sẽ không có cảm giác, cử động lại nữa! Do vậy gọi là chặt.

Thế nào là không do đại địa?

Vì bệnh thứ tư không có, nên ba bệnh: phong, nhiệt, đàm, như thứ lớp, dùng phong, hỏa, thủy đại làm hàng đầu. Vì giống với ba tai họa của khí thế giới ngoại, thế nên ở thân bên trong có ba tai họa.

Khổ thọ của Mạt-ma này bị chặt đến chết, phần nhiều là ở người ấy khởi. Nghĩa là có thể thường thường thực hiện việc chặt đứt Mạt-ma người khác. Người này tất nhiên do nhân khổ của Mạt-ma bị chặt mà chết. Ở trong chư thiên không có chết do nhân khổ của Mạt-ma này. Tuy nhiên, nếu các thiên tử, ứng có việc thoái lui, bị đọa, thì trước hết, có năm thứ tướng đối khác nhỏ hiện ra. Năm thứ tướng ấy:

1. Y phục và dụng cụ trang nghiêm, phát ra âm thanh không đáng yêu.

2. Ánh sáng của thân mờ tối.

3. Khi đang tắm, giọt nước dính vào thân.

4. Bản tâm lay động, rong ruổi cảnh trần.

5. Mắt có chuyển động nháy.

Năm tướng mạo này đôi khi không nhất định. Lại có năm thứ tướng biến đổi khác lớn biểu hiện, tất nhiên sẽ không tránh khỏi cái chết:

1. Y phục bị bụi nhờn nhuộm dính.
2. Tràn hoa khô héo.
3. Mồ hôi nách chảy ra.
4. Khí hôi hám xâm nhập thân.
5. Đối với chỗ ngồi của mình, không được yên ổn.

Thế giới của chúng sinh như vậy: sinh, trụ, lui sụt như vậy, Phật, Thế Tôn an lập, thuộc về ba tụ thân tóm chúng sinh. Tụ có ba thứ:

1. Tụ chánh định.
 2. Tụ tà định.
 3. Tụ bất định.
- Ở đây, kệ nói:

*Tụ chánh định, tà định
Thánh nhân tạo vô gián.*

Giải thích: Chánh là gì? Dục hết hoàn toàn, giận hết hoàn toàn, si hết hoàn toàn, tất cả hoặc hết hoàn toàn, nên gọi là chánh. Kinh nói như vậy: Thánh giả! Nếu trong sự nối tiếp của người này, đạo vô lưu đã sinh, thì gọi là Thánh.

Sao gọi là Thánh? Có khả năng xuất ly xa, rời pháp đọa cõi ác nên gọi là Thánh. Do đắc đạt được, quả của sự quyết định vĩnh viễn xa lìa, tận diệt. Những người như vậy, do hoặc tận diệt quyết định, nên gọi là chánh định. Nếu người nào đã được công năng của phần giải thoát, thì căn thiện ắt quyết định Niết-bàn là pháp, sao không lập là chánh định?

Người này về sau sẽ rơi vào tà định. Người này không do thời gian quyết định, nhất định ở trong chánh. Ví như bảy thứ trội hơn v.v...

Tà là gì?

Cõi (Nẻo) địa ngục, súc sinh, quỷ thần, đây gọi là tà. Trong ấy, người tạo nghiệp vô gián, vì quyết định ở trong đạo địa ngục, nên nói tà định. Nếu khác với hai định, này gọi là bất định. Nghĩa này tự thành, Ba trụ này quán nhân duyên, thuộc về hai thứ và không thuộc về hai.

Đã nói thế giới chúng sinh xong. Về khí thế giới, nay sẽ nói:
Kệ nói:

*Khí thế giới trong đây
Nói nương, trụ ở dưới*

*Sâu mười sáu Lạc-sa
Phong luân rộng vô số.*

Giải thích: Ba ngàn đại thiên thế giới, chư Phật nói rộng, sâu, nghĩa là dựa vào không, trụ phong luân nơi đáy dưới, do nghiệp tăng thượng của chúng sinh sinh ra. Phong luân này đầy bằng do-tuần số của mười sáu Lạc-sa. Chiều dài, rộng không đếm được và chắc thật như đây. Nếu người với sức đại Nặc-na, dùng chày kim cương treo lủng lẳng, đánh, ném vào khoảng không, kim cương tan nát mà phong luân không có hao hụt. Ở phía trên phong-luân, kệ nói:

*Thủy luân sâu mười một
Lại có hai mươi ngàn.*

Giải thích: Ở trên phong luân, do nghiệp của chúng sinh tăng thượng, các mây tụ tập mưa, hạt mưa như cây cột to, thủy luân này thành bằng mười một Lạc-sa, sâu hai vạn do-tuần.

Thủy luân ở chính giữa, không phân tán dòng chảy một bên là sao?

Đó là do sức tăng thượng nơi nghiệp của chúng sinh. Ví như thức ăn, thức uống, các thức uống ăn này, nếu khi chưa tiêu hóa, sẽ không rơi vào thực tạng.

Sư khác nói như vậy: Hoặc như đạo lý ăn, do được gió gìn giữ, nên không chảy tan.

Bộ khác nói như vậy: Lại nữa, nước này là do đức vượt trội và nghiệp của chúng sinh sinh ra. Có (đặc) loại gió riêng thổi mạnh, làm chuyển nước này. Ở tầng trên thành vàng, như trên sữa chín sinh ra cao.

Kệ nói:

*Nước dày tám Lạc-sa
Chỗ còn đều là vàng.*

Giải thích: Số còn lại có chừng bao nhiêu?

Ba Lạc-sa hai vạn do tuần, đây gọi là Kim địa luân nằm trên thủy luân. Thủy luân và Kim địa luân, với lượng dày đã thuyết minh.

Kệ nói:

*Đường kính lượng có ba ngàn
Lại có bốn trăm rưỡi
Có mười hai Lạc-sa
Thủy kim luân rộng thế.*

Giải thích: Lượng đường kính của hai luân này là đồng.

Kệ nói: Nếu chu vi gấp ba.

Giải thích: Nếu dùng lượng biên để đếm, trở thành gấp ba lần thì hợp với ba mươi sáu Lạc-sa, một vạn ba trăm năm mươi do-tuần. Kim Địa-luân ở trên nước, trong địa này.

Kệ nói:

*Tu-di lữ sơn vương
Núi Do-càn-đa-la
Núi Y-sa-đa-la
Núi Khư-đặc-la-kha
Núi Tu-đăng-bà-na
Núi A-thâu-cát-na
Núi Tỳ-na-đa-kha
Núi Ni-mân-đa-la.*

Giải thích: Các núi v.v... như vậy đều nương tựa trên Kim, Địa luân mà trụ. Trung ương của tám núi lớn, có núi Tu-di, các núi khác vây quanh Tu-di lữ mà trụ:

1. Do-càn-đa-la.
2. Y-sa-đa-la.
3. Núi Khư-đặc-la-kha.
4. Núi Tu-đăng-bà-na.
5. A-thâu-cát-na.
6. Tỳ-na-đa-kha,
7. Ni-mân-đa-la.

Núi Tu-di lữ này được bảy thành núi vây quanh. Thành núi ngoài cùng mang tên Ni-mân-đa-la.

Kệ nói:

*Ở ngoài bốn châu lớn
Lại có núi Luân vi.*

Do núi này, nên tướng của thế giới tròn như bánh xe. Chính giữa, kệ nói: Bảy vàng, đây là sắt.

Giải thích: Bảy núi như Do-càn-đa-la v.v... đều được hình thành do vàng ròng. Các núi vây quanh lớp ngoài cùng bảy núi này được sắt tạo thành.

Kệ nói: Tu-di-lữ bốn báu.

Giải thích: Căn cứ thứ lớp bốn biên, được hình thành do bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê kha. Các biên tùy thuộc công năng hình thành báu. Vì giống với hào quang sáng, nên ở trong các phương, không, sắc biểu hiện rõ, trông giống với báu gốc, đối lập với biên Tu-di lữ của châu Diêm-phù. Báu lưu ly được hình thành. Do ánh sáng của báu này, nên

trông thấy màu xanh trên không giống với lưu ly.

Lại nữa, thế nào là báu như vậy v.v... được sinh ở trên kim địa? Lại có các mây mưa, giọt nước như trục xe. Nước này là vô số thứ chủng tử, thai tạng, đều có sự khác biệt của oai đức. Gió thổi biến đổi nước này trở thành vô số thứ loại. Báu chuyển biến như đây là sinh khởi các sự chủng loại riêng. Chung, riêng là do không phải trước có và không phải đạo lý đồng thời có, có thể làm nhân duyên. Điều này không đồng với nghĩa chuyển biến mà ngoại đạo Tăng-khư đã lập.

Sự chuyển biến của Tăng-khư: Nghĩa là vật thể này trước đã trụ, chuyển biến trở thành pháp riêng.

Nếu vậy thì có lỗi lầm gì?

Pháp có này không thể hiểu. Pháp này đã trụ, do có sự phân biệt các pháp khác ở giữa.

Người nào nói như thế? Từ pháp có cái khác pháp. Pháp này giống không khác, chỉ trở thành tướng khác, nên gọi là chuyển biến.

Nếu vậy, cũng không phải đạo lý !

Không phải đạo lý là sao?

Vật này tức phải, tức vật này không phải, vì trước đây chưa từng có đạo lý ngôn thuyết này. Phương tiện như đây, các báu như vàng v.v... đã tự tập sinh, có gió riêng được khởi, do oai lực của nghiệp. Gió này có thể dẫn lấy các báu, tập hợp ở một chỗ, tức thành núi, thành châu. Xứ được nhận lấy, trở thành biển trong, ngoài. Núi Tu-di-lũ v.v..., Thiết Luân vi là ở sau.

Kệ nói: Vào nước, tám mươi ngàn.

Giải thích: Trên kim địa có nước sâu tám vạn do-tuần, trong ấy, các núi theo thứ lớp nhập vào giữa.

Kệ nói:

Núi này nhô khỏi nước

Cũng tám vạn do-tuần.

Giải thích: Như núi Tu-di-lũ này cao một trăm mười sáu vạn do tuần.

Kệ nói: Tám núi, nửa nửa thấp.

Giải thích: Núi Do-càn-đà-la, từ trên mặt nước, cao bốn vạn do-tuần, là một nửa so với núi Tu-di-lũ. Núi Y-sa-đà-la, một nửa so với núi Do-càn-đà-la.

Như vậy, đối với các núi, nên biết theo thứ lớp giảm một nửa, dưới cho đến núi Thiết luân vi giảm một nửa là núi Mân-đà-la, cao ba trăm mười hai do-tuần rưỡi.

Kệ nói: Cao, rộng, lượng như nhau.

Giải thích: Như các núi với lượng cao từ trên mặt nước, lượng rộng cũng vậy.

Kệ nói: Bảy biển trung gian kia.

Giải thích: Núi Ni-mân-đà-la ở sau cuối. Khoảng giữa núi đó có bảy biển, đầy khắp nước tám công đức. Thứ nước này mát, tươi đẹp, nhẹ, mềm, trong, thơm. Khi uống, không nghịch với cổ họng, uống xong tạo lợi ích giới trong, không tổn hại bụng.

Trong bảy biển này, kệ nói:

Biển đầu tám mươi ngàn.

Giải thích: Trong núi Do-càn-đà-la là biển thứ nhất, rộng tám vạn do-tuần.

Kệ nói: Nói đây, gọi biển nội.

Giải thích: Biển có hai thứ:

1. Nội.

2. Ngoại.

Hai núi này là biển nội.

Kệ nói: Mỗi một biên gấp ba.

Giải thích: Đã nói biển này rộng tám vạn do-tuần. Nếu căn cứ số biên nội của Do-càn-đà-la, thì mỗi một biên gấp ba lần. Chiều rộng này hợp thành hai Lạc-sa (Lạc xoa) bốn vạn do-tuần.

Kệ nói: Biển khác, hẹp nửa nửa.

Giải thích: Do-cần-đà-la, Y-sa-đà-la, trung gian của hai núi này là biển thứ hai, hẹp một nửa so với biển đầu tức rộng bốn vạn do tuần. Nửa chiều rộng biển thứ hai là biển thứ ba, do nửa này là giảm một nửa. Nên biết về lượng rộng khác, cho đến biển thứ bảy, rộng một ngàn hai trăm năm mươi do tuần. Lượng dài không nói, do nhiều lượng khác biệt phát ra.

Kệ nói: Chỗ khác, gọi là biển ngoài.

Giải thích: Gì là khác? Là Ni-mân-đà-la, Thiết luân vi, trung gian của hai núi này gọi là biển cả ngoài. Biển này với vị nước mặn đầy khắp. Biển ấy căn cứ số do-tuần theo chiều rộng.

Kệ nói: Ba Lạc-sa hai vạn cùng hai ngàn.

Giải thích: Lượng của biển cả như ở đây.

Kệ nói: Ở giữa.

Giải thích: Có bốn châu lớn đối lập với bốn bên Tu-di-lũ.

Kệ nói:

Châu Diêm-phù hai ngàn

Tướng ba bên như xe.

Giải thích: Châu Diêm-Phù trong biển này, một bên là hai ngàn do-tuần, ba bên lượng bằng nhau, trạng mạo giống như chiếc xe. Trung ương của châu này, từ trên kim địa khởi tòa kim cang, thấu triệt địa châu Diêm-phù với mé trên bằng phẳng, tất cả Bồ-tát đều ngồi ở đó, tu tập Tam-ma-đề kim cang.

Vì sao? Vì không có chỗ nương tựa và xứ nào có khả năng tiếp nhận Tam-ma-đề này ngoài đây.

Kệ nói: Một, ba do tuần rưỡi.

Giải thích: Biên thứ tư này với lượng rộng ba do tuần rưỡi. Thế nên, tướng của châu này giống như chiếc xe.

Kệ nói: Châu Đông như bán nguyệt.

Giải thích: Từ phía Đông châu này, đối diện với biên Tu-di-lũ, có châu mang tên Phát Bà Tỳ Đề Ha, nhô khỏi trên biển. Tướng mạo nó như nửa vầng trăng, nếu căn cứ lượng biên.

Kệ nói: Ba biên như.

Giải thích: Ba biên của châu này như ba biên của châu Diêm-phù, mỗi lượng đều có hai ngàn do-tuần.

Kệ nói: Một biên, ba trăm rưỡi do-tuần.

Giải thích: Là biên thứ tư, rộng ba trăm năm mươi do tuần.

Kệ nói:

Tướng Cù-đà-ni tròn

Bảy ngàn rưỡi do-tuần.

Giải thích: Từ phía Tây châu này, đối diện với biên Tu-di-lũ, có châu tên là A-bà-la Cù-đà-ni, lượng biên là bảy ngàn năm trăm do-tuần. Tướng châu này tròn như vầng trăng đầy.

Kệ nói: Lượng thẳng hai ngàn rưỡi.

Giải thích: Trung ương rộng hai ngàn năm trăm do-tuần.

Kệ nói: Cưu-lâu cùng tám ngàn.

Giải thích: Từ châu này hướng về bắc, đối diện với biên Tu-di-lũ có châu mang tên là châu Uất-đa-la Cưu-lâu, với lượng biên tám ngàn do-tuần và bốn góc vuông. Tướng nó giống với Tỳ-đà-ha, với lượng bốn biên bằng nhau. Như một biên hai ngàn do-tuần, biên còn lại cũng vậy, không chút tăng, giảm. Thuận theo tướng của các châu, tướng mặt của chúng sinh ở trong ấy cũng thế. Trung gian của bốn châu này, có các châu riêng khởi. Các châu tên gì? Xứ nào?

Kệ nói:

Hai Đề-ha, Cưu-lâu

*Già-ma-la, già-la
Trung gian có tám châu
Xả-ha-bắc-mãn-đà.*

Giải thích: Trong đây có tám châu:

1. Đề-ha.
2. Tỳ-đề-ha, thuộc về Tỳ-đề ha phía Đông, là loại kia.

Lại có hai châu:

1. Cưu-lâu
2. Cao-là-bà, thuộc về Cưu-lâu phía Bắc, là loại kia.

Lại có hai châu:

1. Xả-đà-ha
2. Uất-đa-la-mãn-đà, thuộc về Cù-đà-ni phía Tây, là loại kia.

Lại có hai châu:

1. Già-ma-la.
2. A-bà-la-già-ma-la, thuộc về châu Diêm-phù, là loại kia.

Các châu này đều là nơi cư trú của con người, chỉ một châu A-bà-la-già-ma-la là chỗ ở của La-sát.

Kệ nói:

*Địa hướng Bắc, trong đây
Núi Tuyết bên chín núi.*

Giải thích: Ở địa phía Bắc trong châu Diêm-phù này có ba ngọn núi đen. Vượt qua ba núi đen, lại có ba núi đen, vượt qua ba núi đen, lại có ba núi đen. Vì các ngọn núi này đều ở dưới, nên gọi là núi Kiến. Biên bắc của chín núi, có núi Tuyết. Từ núi Tuyết hướng về địa phía Bắc.

Kệ nói:

*Giữa hai núi Hương, Tuyết
Ao năm mươi do-tuần.*

Giải thích: Ở biên bắc núi Tuyết, biên nam núi Hương, chỗ này rất trội hơn, trong đó có ao tên A-na-bà-đát-đa. Từ ao này chảy ra bốn con sông lớn:

1. Hằng-già.
2. Tân-đầu.
3. Tư-đa.
4. Bạc-sư.

Ao này ngang rộng đều có năm mươi do-tuần, tràn đầy nước tám công đức, không phải là chỗ tắm rửa của con người. Nếu người có thông tuệ mới có thể được tắm rửa. Nơi biên Nam ao này, có ngọn núi cao hai

mười lăm do-tuần, ngọn núi biên Bắc cao năm mươi do-tuần, hai ngọn núi này do vật tạp hình thành. Từ xứ trội hơn của biên bắc núi Hương, có ngọn núi cao tên Nan-đà, do bảy báu tạo thành. Chiều ngang rộng đều năm mươi do-tuần, chính là trú xứ của Tượng vương. Từ ngọn núi này vượt qua sáu quốc độ và vượt qua bảy lớp rừng, bảy lớp sông, vượt qua sông thứ bảy lại có hai khu rừng, với hình thể trông như nửa vầng trăng. Ở phía Bắc khu rừng này, mọc-lên cây Diêm-phù. Cây này cao một trăm do-tuần. Hạt cây này, nếu nấu chín thì vị rất ngon, không có vị nào sánh bằng.

Do cây này rất cao, vị hạt rất ngon, nên châu nhân nơi cây này, lập tên là Diêm-phù.

Địa ngục ở xứ nào? Số lượng địa ngục ấy ra sao?

Kệ nói:

Hương dưới hai mươi ngàn

A-tỳ-chỉ rộng thế.

Giải thích: Phía dưới châu Diêm-phù này, cách hai mươi ngàn do-tuần, có địa ngục tên A-tỳ-chỉ, với chiều sâu, rộng đều có hai mươi ngàn do-tuần. Nếu từ đáy địa ngục ấy hướng lên trên, thì cách châu này bốn chục ngàn do-tuần, trong đó, vì khổ thọ vô gián nên gọi là A-tỳ-chỉ. Vì sao? Vì ở địa ngục khác, khổ thọ có gián đoạn. Như chúng sinh trong địa ngục Cánh hoạt, thân đã bị chặt vỡ nát và đánh giã dữ dội. Có gió lạnh buốt thổi, chúng sinh kia sống trở lại, nên gọi là địa ngục Cánh hoạt. Trong A-tỳ-chỉ không có vụ việc như đây.

Có sự khác nói: Ở đó, vì không có vui, khổ gián đoạn, nên gọi là vô gián. Vì sao? Vì ở địa ngục khác, dù không có quả báo vui, nhưng vì không ngăn quả đặng lưu.

Kệ nói: Trên có bảy địa ngục.

Giải thích: Từ trên địa ngục A-tỳ-chỉ này, có bảy thứ địa ngục với nhiều lớp theo thứ lớp:

1. Đại thiêu.
2. Thiêu.
3. Đại Khiếu hoá.
4. Khiếu hoá.
5. Tự khải.
6. Hắc thẳng.
7. Cánh hoạt.

Bộ khác nói: Bảy địa ngục này ở bốn biên của địa ngục A-tỳ-chỉ. Tám địa ngục ấy, kệ nói:

Tám mươi sáu vườn này.

Giải thích: Tất cả địa ngục này, mỗi mỗi địa ngục đều có mười sáu khu vườn. Đức Phật, Thế Tôn nói.

*Tám địa ngục như đây
Ta nói khó vượt được
Người tạo nghiệp cực ác
Đều có mười sáu vườn.
Bốn mặt có bốn cổng,
Hại đủ, lượng bằng nhau
Bị thành sắt vây quanh
Sáu hướng đều sắt ngăn.
Đất sắt cháy sém nóng
Lửa dữ luôn thiêu đốt
Vô số trăm do-tuần
Đây khắp, lửa phủ suốt.*

Những gì là mười sáu khu vườn?

Kệ nói:

*Tro nóng và tử thi
Đường đao cùng sông sôi
Nơi kia bốn phương khác.*

Giải thích: Bốn mặt của tám địa ngục này, mỗi mặt đều đối diện với cổng có bốn thứ vườn:

1. Vườn tro nóng: Sâu, đều ngập tận gối. Ở trong đó, nếu chúng sinh đặt chân xuống, tức thì máu thịt đều bị cháy nát hết. Như giọt sáp trên tấm sắt nung đỏ, khi đưa chân lên, thì máu thịt sinh trở lại.

2. Vườn tử thi: Khu vườn này đầy dẫy tử thi, đất ngập đầy những phân. Ở đây có trùng tên Cưu-đa, thân trắng, đầu đen, mỏ bén như cây kim, xé rách da thịt và xương của chúng sinh kia, nuốt ăn tủy của chúng. Lại có dao nhọn ba mũi cắm trên đường trong vườn. Có đường cái lớn được bày đặt khít nhiều dao bén, mũi nhọn. Chúng sinh ở trong đó, nếu bước chân xuống thì máu thịt đều đứt đoạn, hủy nát. Khi gỡ chân lên thì máu thịt hoàn lại như cũ.

3. Lại có vườn rừng lá gươm, trong đó có gậy, gươm bén nung đỏ v.v... với gió thổi, chúng sinh bị té ngã xuống liền bị chặt, đâm vào thân và phần thân của họ.

4. Lại có khu rừng đầy sắt bén nhọn Ma-lợi, mũi nhọn bén dài mười sáu tấc, ở đây chúng sinh hoặc trên, hoặc dưới: nếu ở trên đâm xuống, thì đầu quay xuống dưới, nếu từ phía dưới đâm lên, thì quay đầu

lên trên. Những thanh sắt bén nhọn ấy đâm chúng sinh kia, khiến thân, máu, thịt đều tan nát hết. Lại có quạ sắt, chó sắt lang lổ, đều nhận lấy chúng sinh kia để ăn thịt.

Lại có quạ mổ sắt mổ ăn tim, mắt của các chúng sinh kia.

Với con đường dao mũi nhọn, các chúng sinh đồng bị hại bằng gậy gộc, hợp thành một khu vườn. Bốn thứ vườn, sông, nước đồng, nước tro nóng, cháy dữ dội. Sông mang tên là Tỳ-đa-lê-ni, đầy khắp nước tro nóng cháy tột độ. Nếu chúng sinh vào trong sông ấy, ở trên hai bờ, đều có người sẵn sàng bắt trói, dùng gươm, giáo, gậy gộc, ngăn chặn, không cho trèo lên. Chúng sinh ở giữa sông, hoặc trôi lên trên, hoặc chìm xuống dưới, hoặc quay sang bên cạnh, đều bị chưng, nấu chín. Ví như chiếc vạc to, ở đó, dưới nước là đốt lửa cháy cực mạnh, trong vạc có gạo, dầu, mè, lúa mì v.v... bị chưng, nấu chín.

Chúng sinh kia cũng thế. Vườn, sông này giống như hào địa ngục lớn. Bốn vườn này do phướng hưởng có khác, nên tạo thành mười sáu. Vì là nơi khốn khổ bị sát hại đạt đến, nên gọi là vườn.

Có sư khác nói: Từ trong địa ngục ra vào, chúng sinh kia lại chìm mất trong nỗi khổ, nên gọi là vườn.

Từ câu hỏi này lại sinh câu hỏi khác: Lính của địa ngục này là chúng sinh hay không phải chúng sinh?

Không phải là chúng sinh.

Nếu vậy, lính kia làm sao hành động?

Do nghiệp của chúng sinh, ví như gió v.v... thành lập thế giới.

Nếu vậy, sao Đại đức Đạt-ma-tu-bộ-để nói kệ:

Luôn giận, nghiệp rất thô

Đối ác, khởi yêu thích

Thấy người khổ, sinh vui

Át làm lính Diêm ma.

Là lính của địa ngục kia, do vua sai bảo ném chúng sinh vào trong địa ngục, nên nói lính kia là La-sát của vua Diêm ma, chẳng phải trước kia hay tạo nghiệp sát hại, mà được lập làm chúng sinh.

Bộ khác nói: Lính kia đều là chúng sinh.

Nếu vậy thì với nghiệp này sẽ phải tiếp nhận báo ở xứ nào?

Sẽ tiếp nhận báo ở xứ ấy.

Vì sao? Vì lính kia do báo của nghiệp ác đời trước, nên đã sinh vào xứ này. Ở đây, lại tạo ra nghiệp ác, tức sẽ cảm thọ báo ở trong đó.

Nếu vậy, chúng sinh tạo nghiệp vô gián, ở xứ họ đã tiếp nhận quả báo. Lính kia ở trong ngục đó, có phương pháp gì để ngăn chặn khiến

cho họ không tiếp nhận báo này? Sao lính kia ở trong lửa mà không bị lửa đốt?

Ông nên tạo ra sự tư duy như đây: Vì không là nghiệp làm họ lệ thuộc nơi lửa kia, nên không bị đốt. Sinh trong địa ngục này, nếu không khác với người khác, sao được làm lính ngục !

Tám thứ nêu như thế, gọi là địa ngục nhiệt.

Kệ nói:

Tám thứ địa ngục lạnh

Như địa ngục Át-phù v.v...

Giải thích: Lại có tám địa ngục lạnh khác:

1. Át-phù-đà.
2. Ni thích-phù-đà.
3. A-tra-tra.
4. A-ba-ba.
5. Âu-hầu-hầu.
6. Uất-ba-la.
7. Ba-đầu-ma.
8. Phân-đà-lợi-kha.

Trong tám địa ngục này, chúng sinh luôn bị bức bách do giá buốt. Vì trạng mạo đối khác của thân, tiếng nói, nhọt ghẻ, nên lập tên này.

Tám địa ngục ấy được bố trí bên cạnh địa ngục lớn, tọa lạc ở phía dưới châu Diêm-phù.

Châu Diêm-phù với lượng rộng như thế, làm sao trong đó được tiếp nhận xứ địa ngục A-tỳ-chỉ?

Vì các châu về phía dưới rộng, ví như đồng lúa, thế nên, biển cả theo thứ lớp sâu dần.

Mười sáu địa ngục như đây, đã được khởi do nghiệp tăng thượng của tất cả chúng sinh. Có địa ngục của xứ riêng, do tự nghiệp của chúng sinh đã khởi: hoặc nhiều người tụ tập chung, hoặc hai người, một người. Sự khác biệt của địa ngục riêng này gồm nhiều loại xứ không nhất định: hoặc ở ven sông, hoặc ở bên triền núi, hoặc ở nơi đồng trống, hoặc ở chỗ khác. Cảnh giới bản xứ của địa ngục tọa lạc ở phía dưới.

Chỗ sinh hoạt của súc sinh có ba nơi: Đất liền, dưới nước, trên không. Biển cả là bản xứ, từ biển di chuyển đến xứ khác.

Quỷ thần lấy xứ Diêm-ma vương làm bản xứ. Xứ của vị vua này tọa lạc ở phía dưới châu Diêm-phù, với độ sâu năm trăm do-tuần, có quốc-độ lớn, ngang rộng cũng năm trăm do-tuần, vốn là trụ xứ của quỷ thần. Từ bản xứ này phân tán, di hành đến xứ khác. Ở trong đạo quỷ

thần có quỷ thần có thần thông, nghiệp phước đức lớn, thọ dụng sự giàu có, yên vui, như trên cõi trời, và các quỷ thần khác như ngọc quý (Kinh Bản Nghiệp nói).

Lại nữa, mặt trời, mặt trăng ở chỗ nào?

Trụ ở trong gió. Vì sao? Vì gió này ở trong không, do công nghiệp tăng thượng của chúng sinh mà sinh ra, vận chuyển vây quanh núi Tu-di-lũ. Như trạng thái nước chảy có công năng ngăn giữ lấy mặt trời, mặt trăng và các vì sao.

Từ phía trên châu này, đường vận hành của mặt trời, mặt trăng cao bao nhiêu do-tuần?

Kệ nói:

*Mặt trời và mặt trăng,
Ở nửa chừng Di-lũ.*

Giải thích: Ngang với đỉnh núi Do-càn-đà-la, mặt trời, mặt trăng vận hành như thế.

Lượng mặt trời, mặt trăng thế nào?

Kệ nói: Năm mươi một do-tuần.

Giải thích: Nguyệt luân có đường kính năm mươi do-tuần. Nhật luân có đường kính năm mươi một do-tuần. Lượng luân của các vì sao, nếu nhỏ nhất thì đường kính một Câu-lô-xá, nếu lớn nhất thì đường kính mười sáu do-tuần. Mặt dưới nhật luân, bên ngoài được hình thành do báu ngọc kha, pha lê, đều là hỏa châu. Báu này có công năng thiêu nướng, rọi sáng. Mặt dưới nguyệt luân, bên ngoài được hình thành do báu Nguyệt ái, đều là thủy châu. Báu này có công năng làm mát lạnh, soi sáng.

Do nghiệp của chúng sinh, ở trong việc tổn ích của mắt, thân, quả, hoa, lúa, mầm chồi, cỏ thuốc v.v... như chỗ thích hợp có khả năng của họ. Nơi bốn châu, chỉ một mặt trăng có thể tạo ra việc tổn hại, ích lợi. Một mặt trời cũng thế. Một mặt trời này đều cùng là chủ thể tạo tác đối với bốn châu. Sự tạo tác của mặt trời thì không như vậy.

Không như vậy là sao?

Ở đây kệ nói:

*Nửa đêm, mặt trời khuất
Mặt trời mọc đồng lúc.*

Giải thích: Nếu đang nửa đêm ở Bắc Cưu-lâu, là lúc mặt trời đang lặn ở Đông Tỳ-đê-ha. Mặt trời đang giữa trưa ở châu Diêm-phù là lúc mặt trời đang mọc ở phía Tây Cù-đà-ni. Ở các nơi khác, so sánh đều như thế.

Trong châu này, do mặt trời vận hành có khác biệt: Sát-na đêm có lúc tăng, có khi giảm. Sát-na ban ngày cũng thế. Trong ấy lại nói kệ:

*Mùa mưa hai, sau chín
Đêm thì dài dần dần.*

Giải thích: Vào mùa mưa, ngày thứ chín giữa tháng thứ hai, từ đấy trở đi, ban đêm, thời gian dài dần.

Kệ nói: Mùa lạnh tháng thứ tư đêm ngắn.

Giải thích: Ngày thứ chín giữa tháng thứ hai, tháng thứ tư, từ đấy trở đi, ban đêm ngắn dần.

Kệ nói: Mỗi mặt trời trái với đây.

Giải thích: Thời gian này, ban đêm hoặc tăng. Thời điểm này, ban ngày tức giảm. Thời điểm này, ban đêm hoặc giảm, ban ngày tức tăng.

Có bao nhiêu thời lượng tăng, bao nhiêu thời lượng giảm?

Kệ nói: Ngày đêm dài La-bà.

Giải thích: Nếu ban đêm tăng, thì sẽ tăng một La-bà, ban ngày tăng cũng thế. Thứ lớp tăng này, nên biết.

Kệ nói:

*Khi mặt trời vận hành
Từ phía Nam đến Bắc.*

Giải thích: Nếu mặt trời vận hành ở phía Nam của châu Diêm-phù, thì đêm dài. Nếu mặt trời vận hành ở phía Bắc của châu Diêm-phù, thì ngày dài.

Đầu nửa tháng có trăng, vì sao thấy vầng trăng không tròn? Điều này có nhân gì?

Kệ nói:

*Tụ ảnh gần mặt trời
Nên thấy trăng không tròn.*

Giải thích: Nếu cung điện mặt trăng vận hành gần cung điện mặt trời, thì thời điểm này, ánh sáng mặt trời đang xâm chiếu cung điện mặt trăng. Do bóng của mặt trời này đã che khuất bên khác của mặt trăng, nên khiến vầng trăng không tròn.

Kinh Phân Biệt Thế nói: Như thế, theo thuyết của các sư trước đã nói: Tương ứng với sự vận hành của mặt trời, mặt trăng có như đây, có lúc trông thấy mặt trăng không tròn và phân nửa.

Lại nữa, cung điện mặt trời v.v..., chúng sinh nào ở trong đó?

Sở bộ thiên của bốn Đại Thiên vương. Các trời này vì chỉ cư trú trong đây, lại có chỗ riêng. Nếu ở cung điện thì chỉ ở chỗ này. Nếu dựa vào địa thì cư trú trong các tầng của núi Tu-di lữ.

Núi này có bao nhiêu tầng? Lượng của mỗi một tầng ra sao?

Kệ nói:

*Tầng Sơn vương có bốn
Cách nhau đều mười ngàn.*

Giải thích: Núi Tu-di lữ, từ mé nước, nhận lấy tầng đầu, trung gian cách nhau mười ngàn do-tuần, cho đến tầng thứ tư cách nhau cũng vậy. Do nửa lượng của bốn tầng Sơn vương này, mỗi mỗi tầng đều được vây quanh, vượt ngoài thứ lớp của bốn tầng này.

Lại có bao nhiêu lượng?

Kệ nói:

*Mười, sáu, tám, bốn
Vượt khỏi hai ngàn do-tuần.*

Giải thích: Tầng thứ nhất, từ bên cạnh Tu-di lữ, vượt ra ngoài mười sáu ngàn do-tuần, tầng thứ hai tám ngàn do tuần, tầng thứ ba bốn ngàn do tuần, tầng thứ tư ngoài hai ngàn do-tuần.

Chúng sinh nào được cư trú trong ấy?

Kệ nói:

*Câu-lô-đa-ba-ni
Thần Trì-man, Hằng-túy
Các Tứ-đại-vương thiên.*

Giải thích: Có thần Dạ-xoa, tên là Câu-lô đa-ba-ni, cư trú tầng thứ nhất. Lại có các thiên thần tên Trì mạn cư trú tầng thứ hai. Lại có thiên thần tên Hằng-túy cư trú tầng thứ ba.

Những tầng này đều là nơi cư trú của chúng quân thuộc bốn Đại Thiên vương. Tự thân của bốn Thiên vương và quyến thuộc khác, cư trú ở tầng thứ tư. Như chỗ ở thuộc quyến thuộc của bốn Đại Thiên vương trong tầng thứ tư.

Kệ nói: Với núi khác cũng thế.

Giải thích: Ở quốc độ lớn, nhỏ, có bảy núi như Do-càn-đà-la v.v... Bốn Đại Thiên vương và nơi ở của quyến thuộc khác đều đầy khắp. Thế nên, chúng bốn Thiên vương đều dựa vào địa mà ở.

Trời Ba mươi ba cư trú trên đỉnh Tu-di lữ.

Kệ nói:

*Ba mươi ba trụ đỉnh
Ngang, rộng hai mươi ngàn.*

Giải thích: Ở trên núi Tu-di lữ, nơi cư trú của Đế Thích và trời Ba mươi ba. Đây là chỗ vượt trội hơn hết.

Xứ này ngang, rộng thế nào?

Có sư khác nói: Mỗi một biên đều tám vạn do-tuần. Như mé dưới, đây gọi là xứ trội hơn hết.

Có sư khác nói: Ở trung ương của đỉnh Tu-di-lũ, mỗi một biên đều gồm hai vạn do-tuần, xung quanh tám vạn do-tuần, là chỗ rất trội hơn. Trời Ba mươi ba cư trú ở trong đó.

Kệ nói:

Góc vuông có bốn núi

Chỗ ở thần Kim cang.

Giải thích: Bốn hướng của Tu-di-lũ, mỗi hướng đều có một ngọn núi. Đường kính của ngọn núi này là năm trăm do-tuần, độ cao cũng thế. Có thần Dạ-xoa tên Kim cang thủ bảo vệ chư thiên ở trong ấy.

Đỉnh Tu-di-lũ này, kệ nói:

Trung ương hai ngàn rưỡi

Cao một do tuần rưỡi

Có thành, tên Thiện Kiến

Vàng mềm, nhiều tướng Yêu.

Giải thích: Trung ương của đỉnh Tu-di-lũ, có thành lớn tên Thiện Kiến, ngang rộng đều hai ngàn năm trăm do-tuần, cao một do-tuần rưỡi, đều do vàng ròng hình thành, được trang sức do một trăm lẻ một chủng loại bảy báu. Đất thành cũng vậy. Khi chạm với đất mềm mại, cũng như loại gấm. Đặt chân xuống, liền mất, đưa chân lên, đầy trở lại. Thành này là chỗ đóng đô của Đế Thích.

Kệ nói:

Một bên hai trăm rưỡi

Bì-xà diên nhiều điện.

Giải thích: Cung điện, trụ sở của Thiên Đế Thích ở trung ương của thành lớn tên Bì-xà-diên-đa. Do được trang sức bằng đủ thứ loại báu, nên xứ này thù thắng, có khả năng chiếm đoạt ánh sáng, tướng mạo khả ái của cung điện chư thiên. Cung điện này, ngang rộng đều hai trăm năm mươi do-tuần.

Ở thành lớn có tướng mạo khả ái thù diệu như thế v.v...

Kệ nói:

Ngoài có vườn Các xe, Ác khẩu

Và Tạp, Hỷ trang nghiêm.

Giải thích: Bốn mặt ngoài thành, xứ đáng yêu thích hết mực có bốn khu vườn, là chỗ chư thiên dạo chơi:

1. Vườn Các xe.
2. Vườn Ác khẩu.

3. Vườn Tương tạp

4. Vườn Hoan hỷ.

Khu vườn này ở ngoài, trang nghiêm cho thành lớn.

Kệ nói:

*Giữa, hai mươi do-tuần
Bốn phương bốn địa thiện.*

Giải thích: Những vườn như Các xe v.v..., bốn phương, mỗi phương đều có xứ riêng, gọi là địa thiện. Trung gian của chúng cách nhau hai mươi do-tuần. Là nơi chốn dạo chơi hy hữu tối thắng của chư Thiên, như hồ tương đố ky, sinh tưởng khả ái, vườn khác không sánh kịp. Bên ngoài của thành lớn, kệ nói:

*Vườn Ba-lợi Đông bắc
Thiện pháp đường Tây nam.*

Giải thích: Trong cõi trời này có cây tên Ba-lợi-xà-đa, chính là nơi dạo chơi hưởng trần dục hơn hết của trời Ba mươi ba. Đường kính của cây là năm mươi do-tuần, cao trăm do-tuần. Bốn bên nhánh lá đến ngọn cây đều ngoài năm mươi do-tuần. Chu vi choán hết ba trăm do-tuần. Trụ cây này, khi hoa nở rộ, mùi hương xuôi theo chiều gió xông đầy bay đi một trăm do-tuần. Hương ngược gió, xông đầy bay đi năm mươi do-tuần. Nếu xông theo gió xuôi, thì điều này có thể hợp lý. Còn nói xông gió ngược, sao có thể tin?

Có sư khác nói: Không qua cảnh giới của cây, nên nói lời này. Vì sao? Vì không có mùi hương nào quyện ngược gió.

Có sư khác nói: Với oai đức nơi hương hoa của một cây này, có sự việc như thế. Nghĩa là sự điều hòa trên cõi trời bị ngăn cách do hương, gió. Hương này cũng nối tiếp nhau không dứt. Hương khác nếu bị gió thổi thì sẽ khô kiệt, mỏng dần, cho đến đều hết. Thế nên, khoảng cách của hương khác không được xa hình tượng. Vì so sánh vượt trội hơn cây khác, nên nói lời này: Hương hoa nối tiếp nhau.

Vì nương dựa nơi bốn đại của mình, có thể huân tập chỗ khác, vì chỉ huân tập gió không phát ra chỗ khác, nên trong đây không có nhất định.

Các sư đều thừa nhận có hai thứ.

Nếu vậy, sao Đức Thế Tôn nói kệ này:

*Hương hoa không thể ngược gió xông
Các hương rẽ trái cũng đều thế.
Hương giới người thiện quyện gió ngược
Mùi thơm chánh hạnh truyền khắp cõi.*

Dựa nơi hương thơm trong cõi người, nên nói kệ này. Vì sao? Vì hương ấy là mùi hương thế gian đều biết chung, không tinh đẹp như công năng này.

Bộ Di-sa-tác nói: Mùi hương này xông theo gió xuôi đến một trăm do-tuần, xông gió ngược chỉ năm mươi do-tuần.

Có chư thiên hội họp ở điện đường tên Thiện Pháp, đối diện với góc Tây nam đại thành. Chư thiên cùng ngồi ở trong đó để biện luận, tra xét việc thế gian, xem có nên làm hay không nên làm.

Bốn Đại Thiên vương và trời Ba mươi ba đã an lập khí thế giới, với trạng mạo như thế.

Kệ nói:

Từ cung điện trên đây

Nơi cư trú của trời.

Giải thích: Trên trời Ba mươi ba đều có cung điện. Chư thiên khác đều nương tựa trong đó ở. Khác là sao? Nghĩa là Dạ-ma, Đâu-suất-đà Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, Phạm Chúng v.v..., đã nói như trước, tổng cộng có mười sáu xứ. Như đây, nếu lược thuyết minh thì hợp có hai mươi bộ chư thiên. Những bộ này đều có khí thế giới riêng.

Kệ nói: Sáu thọ dục.

Giải thích: Có sáu trời thuộc cõi Dục trong hai mươi hai cõi, có thể thọ dụng dục trần, không phải cõi nào khác. Nghĩa là bốn Đại vương thiên, cho đến trời Tha Hóa Tự Tại.

Sáu trời này, kệ nói:

Thân ôm nhau, nắm tay

Cười, nhìn nhau là dâm.

Giải thích: Vì dựa vào địa, trụ tương ứng, nên đều hai thân giao tiếp nhau là dâm. Nghĩa là bốn Đại vương thiên và trời Ba mươi ba, không khác với cõi người. Chư thiên này do gió phát ra, nên tâm nóng liền thôi dứt. Vì không có bất tịnh, nên trời Dạ-ma lấy sự ôm nhau làm dâm, tâm nóng liền thôi dứt. Trời Đâu-suất-đà lấy sự nắm tay làm dâm. Trời Hóa Lạc lấy sự cười chung làm dâm. Trời Tha Hóa Tự Tại lấy việc ngắm nhìn nhau làm dâm. Tất cả trời dục đồng dùng hai thân giao tiếp nhau làm dâm. Về sau, bốn cách ôm nhau v.v... từ thời lượng của thí dụ được mang tên.

Kinh Phân Biệt Thế nói như vậy: Chư thiên hướng lên trên, như trần dục, theo thứ lớp chuyển biến tinh đẹp trội hơn, sự dục lạc cũng thế.

Chuyển biến càng hướng lên trên, ở trên gối của trời nam và trên

gối của trời nữ, nếu có đồng nam, đồng nữ thì do trời sinh. Đồng nam, đồng-nữ này tức là con của hai vị trời.

Lượng thân sơ sinh là thế nào?

Kệ nói:

*Ví như trẻ năm tuổi
Cho đến như mười tuổi
Là sơ sinh trong sinh.*

Giải thích: Theo thứ lớp đối với sáu xứ trời Dục: Thiên tử mới sinh của trời thứ nhất, như đồng tử năm tuổi trong loài người, cho đến thiên tử mới sinh của trời thứ sáu, như đồng tử độ mười tuổi trong người. Thiên tử mới sinh này nhanh chóng được thân viên mãn, thành tựu.

Kệ nói:

*Đều đủ căn, có áo
Cõi Sắc cũng như thế.*

Giải thích: Chư thiên của cõi Sắc đầy đủ lượng thân, mặc trang phục xiêm y, tự nhiên dính vào cơ thể, do tánh hổ thẹn cao, tất cả trời đồng nói tiếng vùng giữa nước, nói lời nói của Bà-la-môn. Ở trong cõi Dục, nghĩa này nên biết.

Kệ nói:

*Ở dục sinh có ba
Trời cõi Dục và người.*

Giải thích: Thế nào là ba? Có các chúng sinh tự nhiên đạt đến trần dục. Ở trong tự nhiên được trần dục, tạo ra tự tại tăng thượng, như các người và các trời khác. Các trời khác, nghĩa là bốn bộ trời trước, có các chúng sinh hóa làm trần dục, tạo ra sự tự tại tăng thượng trong việc hóa trần dục, nghĩa là trời Hóa Lạc. Có các chúng sinh tha hóa tạo ra trần dục, ở trong tha hóa tạo ra trần dục, tạo ra tự tại tăng thượng, nghĩa là trời Tha Hóa Tự Tại.

Sự sinh này do chủ thể thọ dụng, như tự nhiên sinh trần dục. Do chủ thể thọ dụng như ý, tự nhiên được hóa làm trần dục. Do chủ thể thọ dụng, như tha hóa tạo ra trần dục. Vì căn cứ nơi dục trần này, nên sinh nơi cõi Dục có ba thứ:

Ở trong cõi Sắc, kệ nói:

*Lạc sinh cũng có ba
Ở ba định, chín địa.*

Ở trong ba định có chín địa, gọi là ba thứ lạc sinh. Vì sao? Vì chư thiên này do ly dục sinh lạc, do định sinh lạc, do ly hỷ sinh lạc, trụ yên vui trong thời gian dài. Thời gian dài ấy không có khổ, và vì vui, nên gọi

là lạc sinh. Sinh ở sơ định trung gian, vì không có hỷ lạc, nên lạc sinh này cần phải suy nghĩ.

Hai mươi hai xứ của chư thiên này đã nói như trước.

Từ xứ dưới hướng lên xứ trên, cách nhau chừng bao nhiêu do-tuần?

Tất cả xứ này không thể đều dùng số lượng của do-tuần, vì chỗ xa gần của xứ đó.

Tuy nhiên, kệ nói:

*Như đây đến lượng kia
Hướng xứ trên, đều thế.*

Giải thích: Từ châu Diêm-phù v.v... hướng lên xứ trên, và từ xứ này hướng về châu Diêm-phù v.v..., như lượng cách nhau, nơi xứ này hướng lên xứ trên, lượng cách nhau cũng thế. Như tầng thứ tư, trú xứ của bốn Thiên vương, cách bốn vạn do-tuần. Từ đây, như lượng cách nhau, hướng về châu Diêm-phù. Từ châu này, hướng đến trời Ba mươi ba cũng thế. Từ trời Ba mươi ba hướng tới lượng cách nhau của châu Diêm-phù, từ châu này hướng đến trời Dạ-ma cũng thế. Từ trời Dạ-ma hướng đến lượng cách nhau của châu Diêm-phù, từ châu này hướng tới trời Đâu-suất-đà cũng thế.

Như vậy, tất cả sự so sánh về chỗ rộng đều như thế, cho đến từ Thiện Kiến, hướng tới lượng cách nhau của châu Diêm-phù, từ đây hướng lên A-ca-ni-sư-trá cũng thế. Từ A-ca-ni-sư-trá hướng lên trên, không có xứ nào khác. Do nghĩa này, nên xứ ấy vượt trội hơn xứ khác, không có xứ nào trội hơn xứ ấy, thành thử gọi là A-ca-ni-sư-trá.

Có sư khác nói: Xứ này mang tên A-già-ni-sư-trá. Sắc tụ tập trụ gọi là A-già. Xứ này là cứu cánh gọi là Ni-sư-trá.

Lại có sư khác thuyết minh: Xứ này tên A-ca-ni-sư-trá, nghĩa là rốt ráo của đối tượng thực hành.

Chúng sinh sinh xứ dưới, có được đi qua địa trên, và thấy cung điện của địa trên không?

Kệ nói:

*Trời dưới không thể lên
Lìa thông tuệ, dựa khác.*

Giải thích: Trời Ba mươi ba hoặc do thông tuệ được đi qua Dạ-ma thiên, hoặc do dựa vào người khác, nên được đi qua. Nghĩa là người có thông tuệ đã tiếp dẫn, hoặc do tầng trời trên đã tiếp dẫn. Các trời khác cũng thế. Nếu chư thiên sinh ở địa trên đến cõi dưới, địa dưới được thấy trời trên. Nếu đi qua địa trên, sẽ không có sự thấy, vì không phải là cảnh

giới của họ, như không thể giác xúc của địa trên. Đối với việc thấy sắc cũng vậy. Thế nên, chư thiên kia không do tự thân đến. Tuy nhiên, do tạo ra hóa thân của địa dưới, nên đến địa dưới, địa dưới tùy ý được thấy địa trên, và địa trên tùy ý được thấy địa dưới. Đây là sự trình bày của bộ khác.

